

-(으)ㄴ/는가 하면

có người thế này, lại có người thế kia

Đặt hai trường hợp cạnh nhau để cho thấy sự đa dạng. Văn viết tiếng Hàn dùng nó để khảo sát sự khác biệt — không phải để đối lập hai sự việc, mà để nói rằng thế giới có cả hai.

Cách kết hợp

Loại từ	Dạng	Ví dụ
Động từ	-는가 하면	좋아하다 → 좋아하는가 하면
Tính từ	-(으)ㄴ가 하면	싸다 → 싼가 하면
있다 / 없다	-는가 하면	있는가 하면
Kết thúc bằng ㄹ	≡ bị lược	만들다 → 만드는가 하면
Khung điển hình	... 있는가 하면 ... 도 있다	cả hai trường hợp đều có
Mệnh đề sau dùng	도	싫어하는 사람도 있다

Khi nào dùng

Động từ dùng -는가 하면, tính từ dùng -(으)ㄴ가 하면. Gốc có ㄹ thì bỏ ㄹ, và phần này viết liền — 하는가 하면, còn 하면 viết tách.

Dạng điển hình nêu hai nhóm hoặc hai dịp: 이 음식을 좋아하는 사람이 있는가 하면 싫어하는 사람도 있다 — có người thích, có người không.

Khung phổ biến nhất là -는 사람이 있는가 하면 ... -는 사람도 있다. Nằm được bộ khung đó là bao quát phần lớn những gì bạn sẽ gặp.

Nó khác với 반면에 ở chức năng: 반면에 đối lập hai đặc điểm của cùng một sự vật, còn -는가 하면 khảo sát hai trường hợp trong một nhóm.

Ví dụ trong câu

- 1

이 음식을 좋아하는 사람이 있는가 하면 전혀 못 먹는 사람도 있다.

Có người rất thích món này, lại có người không động đũa được.
- 2

값이 싼 가게가 있는가 하면 터무니없이 비싼 곳도 있어요.

Có cửa hàng rẻ, lại có cửa hàng đắt vô lý.
- 3

어떤 날은 손님이 많은가 하면 어떤 날은 한 명도 없다.

Có ngày bận rộn, lại có ngày chẳng có vị khách nào.
- 4

직접 만드는 곳이 있는가 하면 전량 수입하는 업체도 있다.

Có nhà sản xuất tự làm mọi thứ, lại có nhà sản xuất nhập khẩu toàn bộ.
- 5

칭찬하는 의견이 있는가 하면 비판적인 반응도 적지 않았다.

Có lời khen, nhưng cũng không thiếu lời chê.
- 6

일찍 도착하는가 하면 늦게 오는 날도 있어요.

Có hôm anh ấy đến sớm, có hôm lại đến muộn.

So sánh với

-(으)ㄴ/는 반면에

반면에 đối lập hai đặc điểm của một sự vật; -는가 하면 khảo sát hai trường hợp khác nhau trong một nhóm.

싼 반면에 품질이 나쁘다. (một sự vật, hai mặt) / 싼 가게가 있는가 하면 비싼 곳도 있다. (hai loại cửa hàng)

-(으)ㄴ/는 한편

한편 ghép hai sự việc hoặc hai hành động; -는가 하면 ghép hai ví dụ để cho thấy sự đa dạng.

확대하는 한편 강화했다. (hai hành động) / 있는가 하면 없기도 하다. (hai trường hợp)

-거나

-거나 đưa ra các lựa chọn mà không khẳng định cả hai đều xảy ra. -는가 하면 khẳng định cả hai đều có trong thực tế.

좋아하거나 싫어해요. (hoặc là) / 좋아하는 사람이 있는가 하면 싫어하는 사람도 있다. (cả hai đều có)

Lưu ý

- ✗ 직접 만들다가 하면 수입하기도 한다.

○ 직접 만드다가 하면 수입하기도 한다.
- Gốc từ kết thúc bằng ㄹ bỏ ㄹ trước -는, như mọi nơi trong hệ thống định ngữ.
- ✗ 값이 싸다가 하면 비싼 곳도 있어요.

○ 값이 싼가 하면 비싼 곳도 있어요.
- 싸다 là tính từ, nên dùng -(으)ㄴ가. -는가 dành cho động từ.
- ✗ 이 식당은 싼가 하면 품질도 좋아요.

○ 이 식당은 싼 데다가 품질도 좋아요.
- 는가 하면 đặt hai trường hợp khác nhau đối diện nhau. Hai ý đồng thuận cần đuôi mang nghĩa bổ sung.